

CHUYÊN ĐỀ 2. BIỂU ĐỒ ĐƯỜNG

A. LÝ THUYẾT

1. Cách vẽ biểu đồ đường

Bước 1: Xử lý bảng số liệu và xây dựng hệ trục tọa độ

- Phân tích bảng số liệu đã xử lý (tìm số lớn nhất, số nhỏ nhất) để xây dựng hệ tọa độ.
- Xác định tỉ lệ, phạm vi khổ giấy phù hợp.
- Xây dựng hệ trục tọa độ hợp lí chiều cao trục tung = $\frac{2}{3}$ chiều dài trục hoành.

Bước 2: Vẽ biểu đồ

- Đánh số chuẩn trên trục tung phải cách đều nhau.
- Chia khoảng cách năm ở trục hoành đúng và hợp lí.
- Không được tự ý sắp xếp lại thứ tự số liệu (nếu không có yêu cầu).
- Năm đầu tiên chính là trục tung (không có khoảng cách như biểu đồ cột).
- Nối các điểm bằng các đoạn thẳng (nên hoàn thành từng đường nhằm tránh nối nhầm).

Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

- Ghi số liệu tại các điểm (nếu các đường quá gần nhau thì không nhất thiết phải ghi).
- Viết đơn vị vào trục tung và trục hoành.
- Hoàn chỉnh bảng chú giải và tên biểu đồ.
- Đảm bảo tính trực quan và tính thẩm mỹ của biểu đồ.
- Không dùng chung một kí hiệu cho nhiều đối tượng được thể hiện trên biểu đồ.

2. Cách nhận xét biểu đồ đường

** Trường hợp thể hiện một đối tượng*

- So sánh số liệu năm đầu và năm cuối có trong bảng số liệu.
- Xem đường biểu diễn đi lên (tăng) có liên tục hay không?
 - + Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào tăng nhanh, giai đoạn nào tăng chậm.
 - + Nếu không liên tục: Thì năm nào không còn liên tục.
- Một vài giải thích cho đối tượng, giải thích những năm không liên tục.

** Trường hợp cột có hai đường trở lên*

- Nhận xét từng đường một giống như trên theo đúng trình tự bảng số liệu cho: đường a trước, rồi đến đường b, rồi đến c, d.
 - Tiến hành so sánh (cao, thấp,...), tìm mối liên hệ giữa các đường biểu diễn.

- Kết luận và giải thích.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

Bài tập 1: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2016 (Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2013	2014	2015	2016
Điều	339,8	300,9	285,8	280,3	288,3
Cao su	429,1	548,8	570,0	593,8	600,1
Cà phê	518,2	581,3	588,8	604,3	622,2

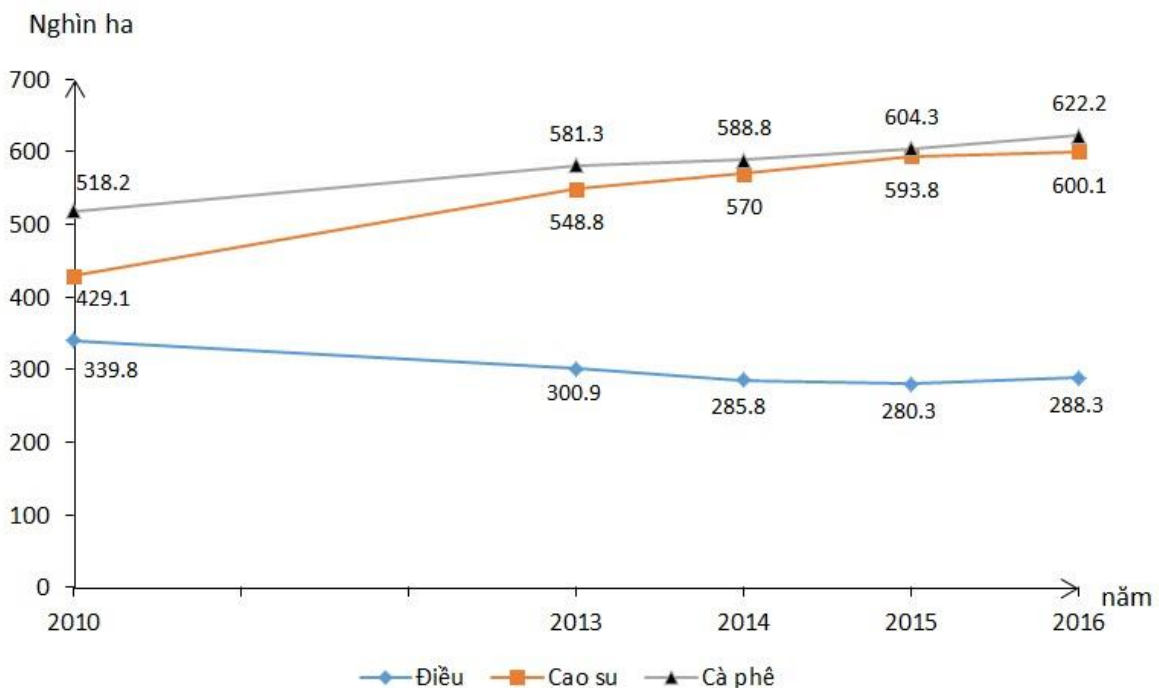
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự phát triển của một số sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

b) Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

Hướng dẫn trả lời

a) Vẽ biểu đồ



DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

b) Nhận xét và giải thích*** Nhận xét**

- Các sản phẩm cây công nghiệp ở nước ta có sự thay đổi theo thời gian.
- + Cây điều có diện tích nhỏ nhất (288,3 nghìn ha) và có xu hướng giảm (51,5 nghìn ha) nhưng không ổn định.
- + Cây cao su tăng lên liên tục và tăng thêm 171 nghìn ha.
- + Cây cà phê có diện tích lớn nhất (622,3 nghìn ha), tăng lên liên tục qua các năm và tăng thêm 104 nghìn ha.
- Tốc độ tăng của các cây công nghiệp cũng khác nhau. Cây cao su tăng nhanh nhất (139,9%), tiếp đến là cây cà phê (120,1%) và cây điều giảm (84,8%).

*** Giải thích**

Sự tăng, giảm không ổn định của các sản phẩm cây công nghiệp là do ảnh hưởng của sự không ổn định thị trường trong nước và quốc tế. Sự ưu chuộng về một sản phẩm sẽ kích thích việc mở rộng sản xuất, mở rộng diện tích cây trồng và ngược lại. Ngoài ra còn do một số yếu tố tự nhiên (khí hậu, đất đai,...) và yếu tố kinh tế (cơ sở chế biến, bảo quản, vận chuyển,...).

Bài tập 2: Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2015

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	Bình quân lương thực theo đầu người (kg/người)
1990	66016	19879,7	301,1
2000	77635	34538,9	444,9
2005	82392	39621,6	480,9
2010	86947	44632,2	513,4
2015	91731	50498,3	550,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ phát triển của tổng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta, giai đoạn 1990 - 2015?

b) Nhận xét và giải thích.

Hướng dẫn trả lời**a) Vẽ biểu đồ**

* Xử lý số liệu

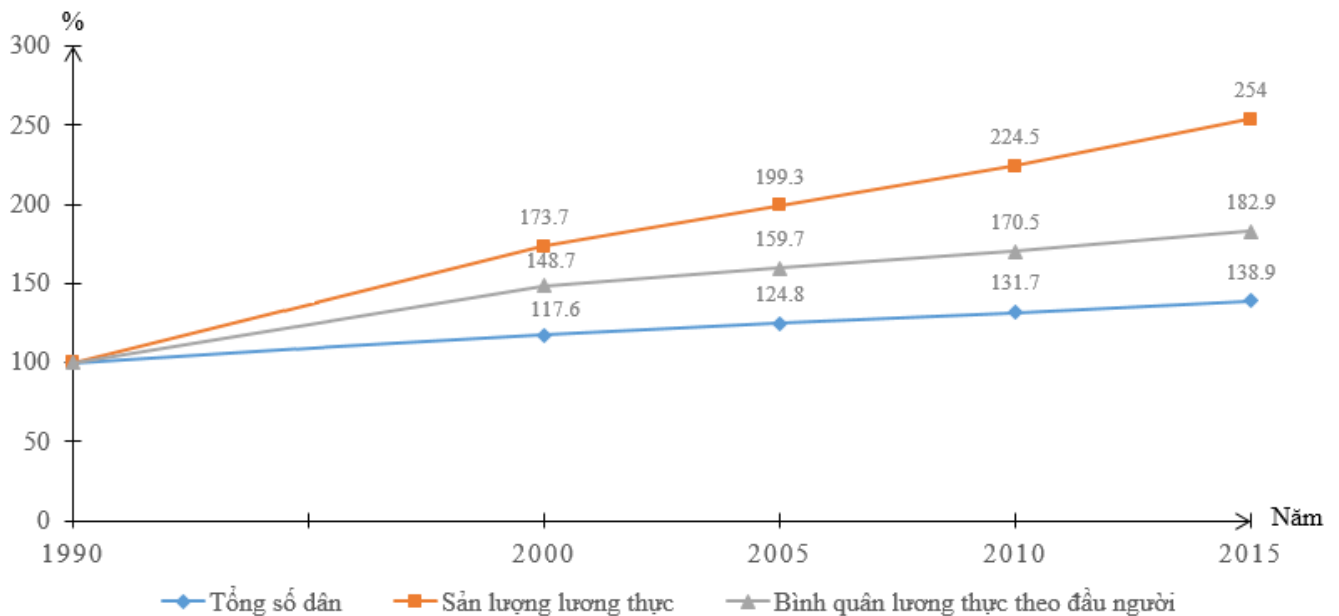
- Công thức: Tốc độ tăng trưởng = Giá trị năm trước / giá trị năm gốc x 100%.
- Lấy năm 1990 là 100%, áp dụng công thức trên. Ta tính được bảng sau:

TỔNG SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2015 (Đơn vị: %)

Năm	Tổng số dân	Sản lượng lương thực	Bình quân lương thực theo đầu người
1990	100,0	100,0	100,0
2000	117,6	173,7	148,7
2005	124,8	199,3	159,7
2010	131,7	224,5	170,5
2015	138,9	254,0	182,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

* Vẽ biểu đồ



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2015

b) Nhận xét và giải thích

* Nhận xét

- Dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người đều có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

- Sản lượng lương thực có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất (254%), tiếp đến là bình quân lương thực theo đầu người (182,9%) và dân số có tốc độ tăng trưởng chậm nhất (138,9%).

- Giai đoạn 1990 - 2015, sản lượng lương thực tăng nhanh và tăng thêm 30618,6 nghìn tấn; dân số tăng thêm 25715 nghìn người và bình quân lương thực đầu người tăng 249,5 kh/người.

** Giải thích*

- Sản lượng lương thực tăng nhanh là do sự phát triển của cơ giới hóa trong nông nghiệp, việc đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trong sản xuất; sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, giống lúa có chất lượng cao,... sản lượng lương thực tăng nhanh đã làm cho bình quân lương thực tăng theo.

- Dân số tăng do qui mô dân số ở nước ta lớn, tỉ lệ gia tăng tự nhiên vẫn ở mức cao so với nhiều nước trên thế giới.

Bài tập 3: Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Đơn vị: %)

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Việt Nam	100,0	138,8	152,1	165,5	173,4
Thái Lan	100,0	102,7	129,4	142,7	151,5
Bru-nây	100,0	120,5	127,4	121,8	118,8
Cam-pu-chia	100,0	105,0	102,4	101,8	100,1

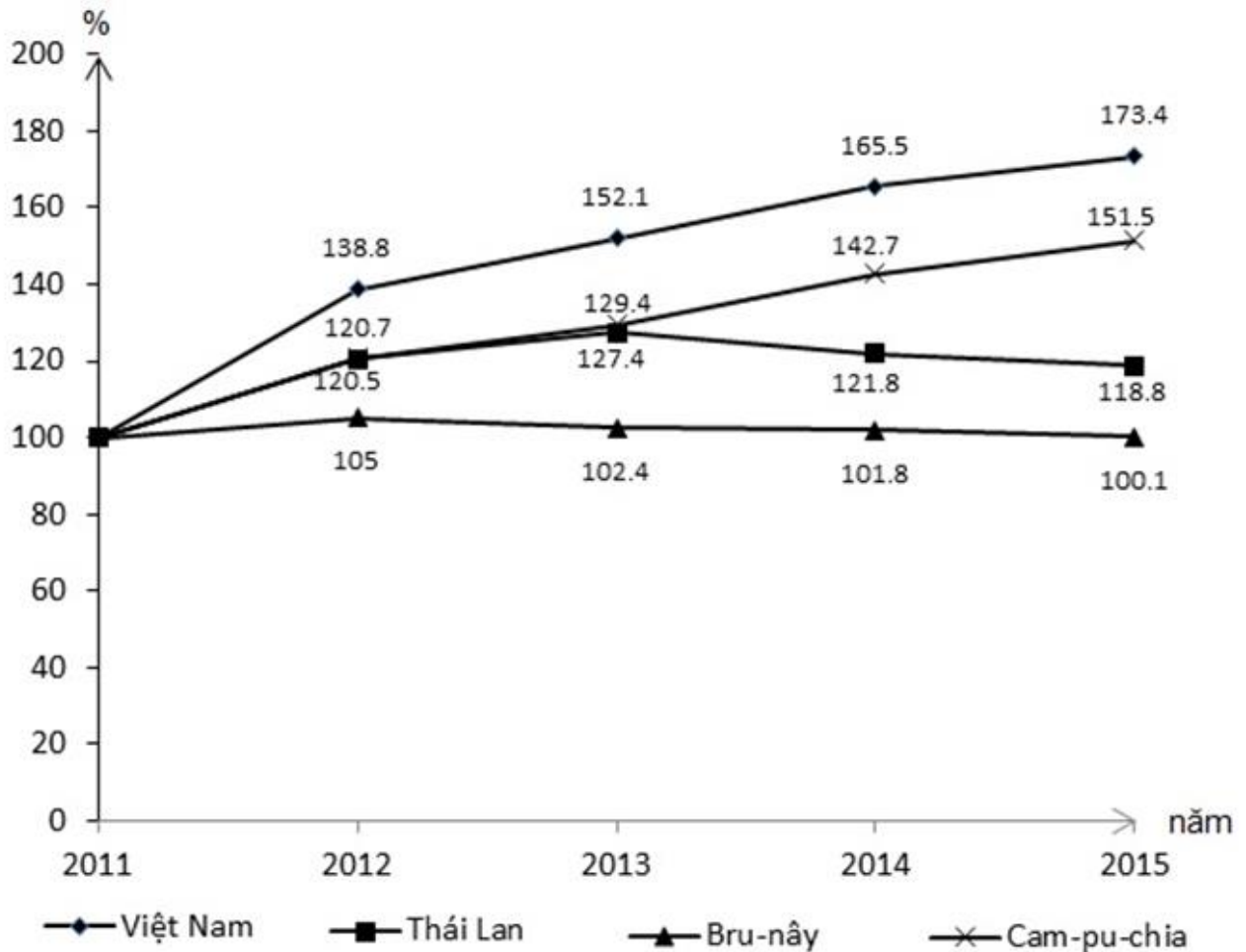
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2011 - 2015?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP và giải thích tại sao Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá nhanh?

Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

b) Nhận xét và giải thích

* Nhận xét

- Các quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP khác nhau.
- Việt Nam có tốc độ tăng liên tục và tăng nhanh nhất (173,4%).
- Thái Lan có tốc độ tăng liên tục và tăng nhanh thứ hai (151,5%).
- Bru-nây có tốc độ tăng (118,8%) nhưng không ổn định (2011 - 2013 tăng; 2013 - 2015 giảm).
- Cam-pu-chia có tốc độ tăng chậm nhất (100,1%) nhưng không ổn định (2011 - 2012 tăng; 2012 - 2015 giảm).

* Giải thích

- Các quốc gia có tốc độ tăng trưởng không giống nhau là do mỗi quốc gia có chính sách thương mại riêng và các điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội khác nhau.

- Việt Nam và Thái Lan là hai quốc gia có tốc độ tăng trưởng khá nhanh, bền vững do những chính sách hội nhập, đa phương hóa với nhiều thị trường. Đầu tư và thu hút vốn đầu tư mạnh từ các nước phát triển để phát triển kinh tế - xã hội,...

Bài tập 4: Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP/NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 (Đơn vị: %)

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Ma-lai-xi-a	100,0	115,0	119,5	121,0	124,7	107,7
Phi-lip-pin	100,0	110,6	121,4	129,9	133,9	135,4
Việt Nam	100,0	123,4	137,3	149,8	161,2	165,7

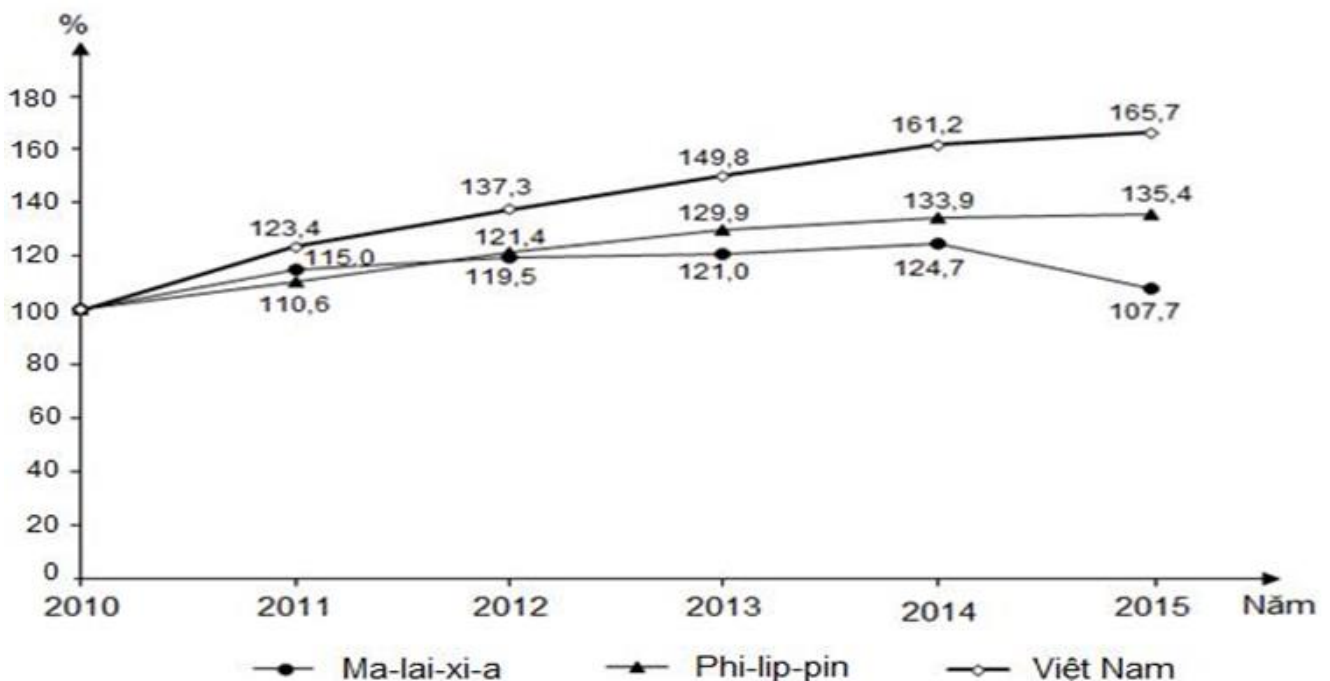
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2015?

b) Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia.

Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP/NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA QUA CÁC NĂM

b) *Nhận xét và giải thích*

* *Nhận xét*

- GDP/người của các quốc gia đều có xu hướng tăng nhưng có sự khác nhau.
- GDP/người của Việt Nam có tốc độ tăng liên tục và tăng nhanh nhất (165,7%).
- GDP/người của Phi-lip-pin tăng liên tục và tăng nhanh thứ hai (135,4%).
- GDP/người của Ma-lai-xi-a tăng (107,7%) nhưng không ổn định.
- + Giai đoạn 2010 - 2014 tăng và tăng thêm 24,7%.
- + Giai đoạn 2014 - 2015 giảm và giảm 17%.

** Giải thích*

- GDP/người của các quốc gia đều tăng là do hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng.

- Việt Nam có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất là do nhờ những chính sách, chiến lược đúng đắn của Nhà nước; thực hiện phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa và các sản phẩm của Việt Nam thâm nhập vào nhiều thị trường khó tính (Bắc Mỹ, EU, Nhật,...).

Bài tập 5: Cho bảng số liệu sau:

**KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 (Đơn vị: Nghìn lượt người)**

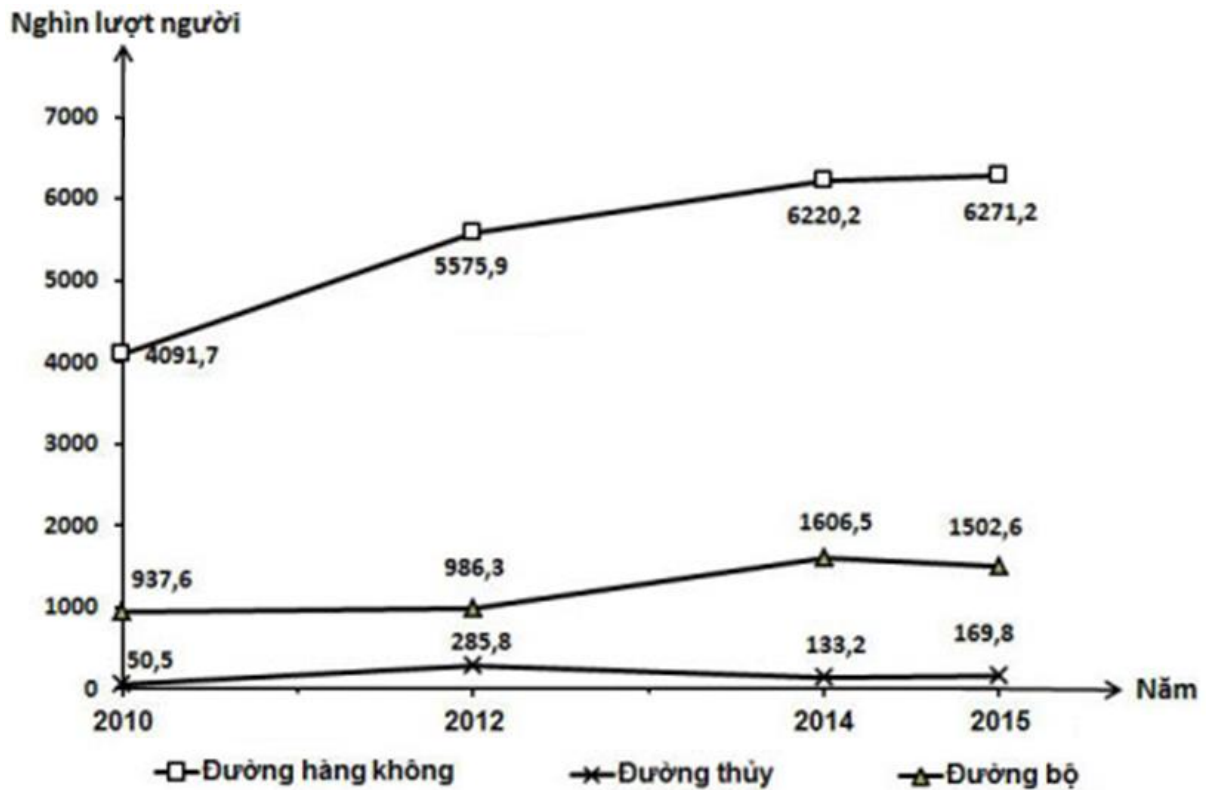
Năm	2010	2012	2014	2015
Đường hàng không	4091,7	5575,9	6220,2	6271,2
Đường thủy	50,5	285,8	133,2	169,8
Đường bộ	937,6	986,3	1606,5	1502,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự phát triển của khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện đến, giai đoạn 2010 - 2015?
- b) Nhận xét tốc độ phát triển của số lượt khách đến Việt Nam. Giải thích?

Hướng dẫn trả lời

a) Vẽ biểu đồ



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

b) Nhận xét và giải thích

** Nhận xét*

Qua biểu đồ, ta thấy:

- Khách du lịch quốc tế đến nước ta bằng các loại phương tiện có sự thay đổi qua các năm.
- + Khách đến bằng đường bộ tăng (160,3%) nhưng không ổn định.
- + Khách đến bằng đường hàng không tăng liên tục và tăng thêm 2179,5 nghìn lượt người (153,3%).
- + Khách đến bằng đường thủy tăng (336,2%) nhưng không ổn định.
- Khách đến bằng đường hàng không lớn (nhiều) nhất, tiếp đến là đường bộ và cuối cùng là đường thủy (6271,2 nghìn lượt người so với 1502,6 và 169,8 nghìn lượt người).
- Khách du lịch đến bằng đường thủy tăng nhanh nhất, tiếp đến là đường bộ và đường hàng không (336,2% so với 160,3% và 153,3%).

** Giải thích*

- Nước ta mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, đa phương hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời nước ta có nền chính trị ổn định và tài nguyên du lịch đa dạng nên thu hút được nhiều khách du lịch quốc tế đến.

- Nhờ những ưu thế về tốc độ, tiện lợi và sự tiện nghi ngày càng cao -> Đường hàng không luôn chiếm tỉ trọng vận chuyển hành khách lớn nhất. Đường thủy những năm gần đây tăng nhanh là do sự hội nhập quốc tế và sự đầu tư về cơ sở vật chất, hạ tầng,...

C. MỘT SỐ BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài tập 1: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017?

b) Nhận xét về tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta. Giải thích?

Bài tập 2: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1995 - 2012

Năm	1995	2000	2006	2010	2012
Than (triệu tấn)	8,4	11,6	38,8	44,8	45,1
Dầu thô (triệu tấn)	7,6	16,3	16,8	15,0	16,7
Điện (tỉ kwh)	14,7	26,7	57,9	91,7	115,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô, điện của nước ta thời kỳ 1995 - 2012?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm năng lượng ở nước ta. Giải thích vì sao sản lượng điện tăng nhanh?

Bài tập 3: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG,
GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

Năm	2000	2005	2010	2015
Diện tích (nghìn ha)	1212,6	1186,1	1155,5	1150,1
Sản lượng (nghìn tấn)	6586,6	6398,4	6796,8	6803,4

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ phù hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm ở vùng đồng bằng sông Hồng, giai đoạn 2000 - 2015?

b) Nhận xét biểu đồ đã vẽ. Giải thích tại sao năng suất lúa ở vùng Đồng bằng sông Hồng ngày càng tăng?

Bài tập 4: Cho bảng số liệu sau:

**TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU Ở NƯỚC TA TRONG,
GIAI ĐOẠN 2000 - 2017 (Đơn vị: triệu USD)**

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Kim ngạch nhập khẩu
2000	14 482,7	15 636,5
2005	32 447,1	36 761,1
2010	72 236,7	84 836,6
2014	114 529,2	113 780,4
2017	150 217,1	147 849,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất - nhập khẩu hàng hóa của nước ta trong giai đoạn 2000 - 2017?

b) Nhận xét và giải thích.

Bài tập 5: Cho bảng số liệu sau:

**SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NHÂN VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 1980 - 2017 (Đơn vị: Nghìn tấn)**

Năm	1980	1990	2005	2010	2015	2017
Sản lượng cà phê nhân	8,4	92,0	802,5	752,1	1105,7	1408,4
Sản lượng cà phê xuất khẩu	4,0	89,6	733,9	912,7	1184,0	1691,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng cà phê nhân và sản lượng cà phê xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 1980 - 2017?

b) Nhận xét sản lượng cà phê nhân và sản lượng cà phê xuất khẩu của nước ta. Giải thích tại sao sản lượng cà phê xuất khẩu nước ta những năm gần đây tăng rất nhanh?

Bài tập 6: Cho bảng số liệu sau:

**SỐ DÂN, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC
THEO ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1990 - 2015**

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	Bình quân lương thực theo đầu người (kg/người)
1990	66 016	19 879,7	301,1
2000	77 635	34 538,9	444,9
2005	82 392	39 621,6	480,9
2010	86 947	44 632,2	513,4
2015	91 731	50 498,3	550,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở nước ta, giai đoạn 1990 - 2015?

b) Nhận xét biểu đồ đã vẽ. Giải thích tại sao bình quân lương thực theo đầu người ở nước ta ngày càng tăng lên?

Bài tập 7: Cho bảng số liệu sau:

**DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG,
GIAI ĐOẠN 2005 - 2016**

Năm	2005	2008	2010	2016
Diện tích (nghìn ha)	3826	3859	3946	4089
Năng suất (tạ/ha)	50,4	53,6	54,7	56,7

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2005 - 2016?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng và năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích?

Bài tập 8: Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 (Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2000	2005	2010	2012	2014	2016
Cam-pu-chia	3,6	6,6	11,2	14,0	16,8	20,0
Xin-ga-po	91,5	127,4	199,6	289,3	284,6	305,0
Việt Nam	31,2	57,6	115,9	156,7	186,2	205,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia, giai đoạn 2000 - 2016?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia. Giải thích?

Bài tập 9: Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Giày dép	5,1	10,3	12,0	14,7
Dệt may	11,2	20,1	22,8	26,0
Điện thoại và các linh kiện	2,3	23,6	30,2	45,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số sản phẩm công nghiệp nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

b) Nhận xét và giải thích.

Bài tập 10: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO CÁC NHÓM CÂY, GIAI ĐOẠN 1990 - 2016

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1990	2000	2010	2016
Nhóm cây				
Cây lương thực	6474,6	8399,1	8615,9	8992,3
Cây công nghiệp	1199,3	2229,4	2808,1	2844,6
Cây rau đậu, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2015,8	2637,1	2967,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây ở nước ta, giai đoạn 1990 - 2016?

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây ở nước ta. Giải thích tại sao diện tích cây công nghiệp những năm gần đây ở nước ta tăng nhanh?

VIETJACK.COM